

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TÔ HOÀNG

CHÓNG CHUYÊN GIÁ
TRONG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI VIỆT NAM

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng Mã số: 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2020

Công trình được hoàn thành tại Học viện Tài chính

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS,TS. Vương Thị Thu Hiền
2. PGS,TS. Bạch Thị Minh Huyền

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, tại Học viện Tài chính**

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng....Năm 2020

Cụ thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế của Việt Nam với các nước trên thế giới ngày càng được mở rộng, nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước dần dần được khơi thông, đưa vào đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo động lực vững chắc cho nền kinh tế phát triển.

Bên cạnh những thành quả do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, những tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đã thâm nhập vào Việt Nam và tiếp tục phát triển ngày một phức tạp. Một trong những tác động đó là hiện tượng doanh nghiệp chuyên giá, trốn thuế, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước và tạo môi trường không bình đẳng trong kinh doanh.

Hoạt động chuyên giá trong các doanh nghiệp ở nước ta diễn ra một cách liên tục, ở mọi nơi, mọi lúc, làm thất thu lớn cho ngân sách Nhà nước và để lại nhiều hệ lụy cho nền kinh tế. Mặc dù các cơ quan Nhà nước đã và đang nỗ lực để hoàn thiện thể chế, tổ chức phối hợp trong thanh tra, kiểm tra chống chuyên giá, nhưng kết quả đạt được còn rất thấp. Các hoạt động chuyên giá vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, đang gây nhiều bức xúc trong xã hội.

Trước bối cảnh tình hình nói trên, tác giả quyết định lựa chọn đề tài luận án là: ***“Chống chuyên giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam”***, với mong muốn nghiên cứu đề xuất một số giải pháp có luận cứ khoa học thiết thực và phù hợp với thực tiễn Việt Nam, góp phần tăng cường chống chuyên giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ở Việt Nam trong thời gian tới. Với ý nghĩa đó, việc nghiên cứu đề tài luận án là hết sức cần thiết và có tính thời sự cao.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu tổng quát:

Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp có luận cứ khoa học và phù hợp với thực tiễn Việt Nam, nhằm tăng cường chống chuyên giá trong công tác quản lý thuế TNDN ở Việt Nam trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa và làm rõ hơn một số vấn đề cơ bản có tính lý luận về hoạt động chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN, làm luận cứ cho việc phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

- Tham khảo kinh nghiệm chống chuyển giá của một số quốc gia trên thế giới để vận dụng vào công tác chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng về chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam.

- Đề xuất một số giải pháp có luận cứ khoa học và phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam, nhằm tăng cường chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở nước ta trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài:

Hoạt động chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: Đề tài này chỉ tập trung nghiên cứu về hoạt động chuyển giá và hoạt động chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN.

- Về thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu các hoạt động chuyển giá và chống chuyển giá từ năm 2010 đến năm 2019, sau khi việc xác định giá thị trường trong giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết tại Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 66/2010/TT-BTC. Đề xuất một số giải pháp áp dụng cho giai đoạn 2020 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Về không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu tình hình chuyển giá và chống chuyển giá của cơ quan thuế ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh... là những địa bàn tập trung và có nhiều mẫu điển hình cho cả nước về hoạt động chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN.

4. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

Số liệu nghiên cứu:

Các số liệu trong luận án bao gồm các số liệu vĩ mô về nền kinh tế Việt

Nam, các số liệu vi mô của doanh nghiệp điều tra hàng năm của Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, của Tổng cục Thuế.

Phương pháp nghiên cứu:

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học, lấy phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử làm nền tảng phương pháp luận. Đồng thời, sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu. Cụ thể:

-Phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử: được sử dụng để làm rõ hơn các vấn đề về chuyển giá và chống chuyển giá.

-Phương pháp thu thập và xử lý thông tin: được sử dụng để thu thập các tài liệu sơ cấp và thứ cấp. Đó là các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có quan hệ giao dịch liên kết, các báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên đề về chuyển giá của Tổng cục Thuế và Cục Thuế một số địa phương; một số kết luận thanh tra các vi phạm về nghĩa vụ thuế nói chung, nghi vấn chuyển giá nói riêng của Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước; các văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo, đề án, chương trình có liên quan của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thuế, Tổng cục Thống kê và các cơ quan thuế một số tỉnh, thành phố. Cùng đó là các đề án, công trình nghiên cứu khoa học, bài báo ở trong và ngoài nước có liên quan đến chuyển giá và chống chuyển giá.

-Phương pháp thống kê (bảng biểu, đồ thị...): được sử dụng để tổng hợp, tổ chức số liệu thu thập được nhằm phản ánh trực quan hơn thực trạng của các vấn đề nghiên cứu.

-Phương pháp phân tích định tính: được sử dụng trên cơ sở nhận thức về các lý thuyết, các kết quả phân tích, đánh giá thực trạng, các tồn tại hạn chế, nguyên nhân... để luận giải và kiến nghị, đề xuất một số giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.

-Phương pháp chuyên gia: được sử dụng trong tham khảo những nhận định, quan điểm của các chuyên gia là các nhà khoa học, các cán bộ quản lý thuế có kinh nghiệm, có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực thanh tra chống chuyển giá; gián tiếp trích dẫn luận điểm của các chuyên gia được đăng tải trên các đề tài nghiên cứu, các bài báo có liên quan.

-Phương pháp định lượng: luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu

định lượng nhằm đánh giá tác động của thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN tới hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp.

Trên cơ sở vận dụng mô hình Servperf, luận án đã xây dựng bảng câu hỏi và tham khảo một số chuyên gia là cán bộ thuế có kinh nghiệm trong thanh tra chống chuyển giá và ý kiến của một số nhà khoa học. Dưới sự hỗ trợ của ứng dụng SPSS phiên bản 20 (Statistical Package for the Social Sciences), là ứng dụng máy tính được sử dụng khá phổ biến trong phân tích thống kê xã hội học, dữ liệu sơ cấp qua khảo sát được định lượng, thể hiện rõ nét các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động thanh tra chống chuyển giá từ các công chức thuế. Từ kết quả thực nghiệm tác giả sẽ đưa ra hàm ý cho việc đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác thanh tra chống chuyển giá.

5. Đóng góp mới của luận án

Đề tài luận án có những đóng góp mới sau đây:

- Luận án tổng hợp, hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN.

- Luận án đi sâu phân tích, đánh giá một cách toàn diện, khách quan thực trạng về chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam giai đoạn 2010 đến 2019 trên cơ sở đó, chỉ ra các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế về chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở nước ta. Nội dung tiêu biểu trong những đóng góp mới của luận án được phát hiện qua khảo sát đánh giá của công chức thuế về tác động của thanh tra thuế trong chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN, phát hiện những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả thanh tra chống chuyển giá, mức độ tác động của những nhân tố đó.

- Đề xuất một số giải pháp có luận cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam nhằm đẩy mạnh hoạt động chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở nước ta trong thời gian tới. Trong đó, giải pháp trọng tâm được luận án nghiên cứu về những kỹ năng trong thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN để cuộc thanh tra có hiệu quả cao, phát huy tính ngăn chặn chuyển giá của các doanh nghiệp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa khoa học: Luận án nghiên cứu có tính hệ thống những nội dung có tính lý luận về chuyển giá và chống chuyển giá, giúp cho việc đánh giá, đi sâu nghiên cứu các kết quả đạt được, phân tích các hạn chế, và nguyên nhân của các hạn chế nhằm đề xuất các giải pháp để chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN trong giai đoạn 2020 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Ý nghĩa thực tiễn: Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng thực trạng về chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam hiện nay, luận án đề xuất một số giải pháp sát thực về chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN trong thời gian tới, trực tiếp góp phần hạn chế thất thu ngân sách Nhà nước.

7. Kết cấu của đề tài luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các phụ lục, phần nội dung của luận án gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về chuyển giá và chống chuyển giá

Chương 2: Lý luận cơ bản về chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Chương 3: Thực trạng về chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam

Chương 4: Một số giải pháp tăng cường chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CHUYỂN GIÁ VÀ CHỐNG CHUYỂN GIÁ

1.1. Những công trình nghiên cứu về hoạt động chuyển giá và chống chuyển giá

Luận án đã tham khảo một số công trình tiêu biểu tác giả đã nghiên cứu: 6 công trình sách chuyên khảo, 3 bài báo khoa học nước ngoài; 2 giáo trình, sách chuyên khảo, 7 luận án, luận văn, 4 bài báo nghiên cứu chuyên sâu về chuyển giá và chống chuyển giá trong nước. Ngoài ra còn rất nhiều bài báo nghiên cứu về vấn đề chuyển giá và chống chuyển giá ở các góc độ khác nhau.

1.2. Những công trình nghiên cứu về thuế TNDN và quản lý thuế TNDN

Những công trình nghiên cứu chuyên sâu về thuế TNDN và quản lý thuế TNDN đã được tác giả nghiên cứu phục vụ cho luận án: 3 đề tài nghiên cứu nước ngoài; 9 công trình nghiên cứu trong nước. Ngoài ra còn một số tài liệu, bài báo liên quan trực tiếp khác.

1.3. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu có liên quan

Các công trình nghiên cứu là tài liệu quan trọng giúp tác giả có thể kế thừa và làm rõ thêm về vấn đề chuyển giá và tác động của chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, cần thiết phải có thêm nội dung nghiên cứu riêng về tác động của chuyển giá đối với thuế TNDN và vấn đề chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng; trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều diễn biến thay đổi phức tạp như giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở tiếp tục kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu đã được công bố. Luận án tập trung làm rõ một số vấn đề chưa được giải quyết ở những nghiên cứu trước đó, cụ thể:

- Về mặt lý luận: (1) Luận án tiếp tục kế thừa có hệ thống những vấn đề lý luận về chuyển giá và chống chuyển giá để củng cố và làm rõ thêm cho vấn đề về chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN. (2) Luận án hệ thống và đưa ra cơ sở lý thuyết để đánh giá tác động các nhân tố ảnh hưởng tới các tác nhân trong nền kinh tế. Xây dựng các mô hình

kinh tế lượng để phân tích tác động của kết quả thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN.

- Về mặt thực tiễn: (1) Luận án thực hiện hệ thống hóa các kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia về chống chuyển giá để làm cơ sở tham chiếu cho Việt Nam. (2) Luận án phân tích, đánh giá thực trạng chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam qua các số liệu sơ cấp và thứ cấp. (3) Luận án đề xuất một số giải pháp tăng cường chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam trong thời gian tới, phù hợp với bối cảnh kinh tế quốc tế và Việt Nam.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu và nội dung nghiên cứu

Để thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án cần giải đáp được các câu hỏi sau: (1) Chuyển giá có ảnh hưởng thế nào trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam? (2) Kinh nghiệm của các nước trong quản lý thuế nhằm chống chuyển giá giữa các doanh nghiệp có quan hệ liên kết? (3) Thực trạng hoạt động chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay thời gian qua? (4) Cần có những giải pháp gì để hạn chế các doanh nghiệp chuyển giá gây thất thu thuế TNDN ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay? Cần phải triển khai cuộc thanh tra chống chuyển giá như thế nào để đạt hiệu quả cao, có tính thuyết phục và răn đe các doanh nghiệp chuyển giá để chiếm đoạt thuế TNDN ở Việt Nam?

CHƯƠNG 2

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHUYỂN GIÁ VÀ CHỐNG CHUYỂN GIÁ TRONG QUẢN LÝ THUẾ TNDN

2.1. Lý luận về chuyển giá

2.1.1. Khái niệm về chuyển giá

Chuyển giá là việc thực hiện chính sách giá trong các giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết không tuân theo giá thị trường nhằm đạt được nhiều mục tiêu khác nhau, trong đó mục tiêu chủ yếu là tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp để tối đa hóa lợi nhuận của cả tập đoàn, công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có quan hệ liên kết.

2.1.2. Đặc điểm của chuyển giá

Hoạt động chuyển giá trong các giao dịch liên kết có những đặc điểm cơ bản sau: (i) Chỉ xảy ra giữa các doanh nghiệp có quan hệ liên kết; (ii) Giá giao dịch không theo giá thị trường; (iii) Sau chuyển giá, thuế TNDN của cả nhóm giảm, tổng lợi nhuận cả nhóm tăng. (iv) Việc kiểm soát, phòng chống chuyển giá rất khó khăn do quyền tự do quyết định giá cả trong kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.3. Nguyên nhân của chuyển giá

Các doanh nghiệp có quan hệ liên kết có thể xác định lại giá cả trong những giao dịch trao đổi hàng hóa vì những lý do: (i) Quyền tự do định đoạt giá cả hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp; (ii) Nghĩa vụ thuế TNDN của toàn hệ thống sẽ có sự thay đổi dẫn đến lợi nhuận sau thuế của cả hệ thống cũng thay đổi theo; (iii) Chuyển giá xuất hiện khi có những điều kiện nhất định liên quan đến các yếu tố cấu thành thuế TNDN như chênh lệch về thuế suất thuế TNDN, ưu đãi thuế TNDN, hệ thống kế toán và quan điểm để xác định thuế TNDN giữa các doanh nghiệp có quan hệ liên kết.

2.1.4. Các hình thức chuyển giá tại các doanh nghiệp có quan hệ liên kết

2.1.5. Tác động của chuyển giá

- Tác động của chuyển giá tới các doanh nghiệp có quan hệ liên kết
- Tác động của chuyển giá tới quốc gia, địa phương có doanh nghiệp được chuyển lợi nhuận đến
- Tác động của chuyển giá tới quốc gia, địa phương có doanh nghiệp tiếp nhận đầu tư

2.2. Chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.1. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý thuế được hiểu là hoạt động của cơ quan quản lý thuế nhằm tác động và điều hành hoạt động chấp hành pháp luật thuế của NNT.

2.2.2. Chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN

Chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN là việc cơ quan chức năng áp dụng các phương pháp, nghiệp vụ phù hợp để hạn chế, tiến tới loại bỏ các hình thức trong hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết nhằm hạn chế thất thu thuế TNDN.

Chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN được thực hiện thông qua việc xác định lại giá chuyển giao giữa các giao dịch liên kết không theo giá giao dịch độc lập, làm sai lệch căn cứ xác định thuế TNDN.

2.3. Kinh nghiệm chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới

Luận án nghiên cứu kinh nghiệm về chống chuyển giá của một số quốc gia có nhiều tập đoàn kinh tế, nhiều công ty đa quốc gia như Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc... đúc kết một số kinh nghiệm về chống chuyển giá của các quốc gia về chống chuyển giá:

- Phải có hành lang pháp lý đầy đủ và hợp lý làm căn cứ để kiểm soát và chống các hoạt động chuyển giá.
- Phải lựa chọn phương pháp xác định giá chuyển giao phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong nước và đẩy mạnh ký kết các Hiệp định về thuế với các nước.
- Cần có chế tài xử phạt nặng, được quy định rõ ràng và thực hiện nghiêm minh.
- Tổ chức lực lượng chống chuyển giá trong cơ quan thuế đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và liên thông dữ liệu để cơ quan quản lý thuế có thể tham chiếu, so sánh khi có nghi vấn về chuyển giá.
- Hạn chế những yếu tố tạo ra môi trường kích thích hoạt động chuyển giá trong thu hút đầu tư.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CHUYỂN GIÁ VÀ CHỐNG CHUYỂN GIÁ TRONG QUẢN LÝ THUẾ TNDN Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng thu hút vốn đầu tư ở Việt Nam thời gian qua

3.1.1. Những kết quả đạt được

-Vốn đầu tư được đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua ngày càng tăng, thúc đẩy kinh tế phát triển. Từ năm 2010 đến 2019, kinh tế Việt Nam liên tục duy trì ở mức tăng bình quân hàng năm là 6.35% trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới bình quân 3.48%.

-Các doanh nghiệp đóng góp cho sản phẩm xã hội ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê tổng doanh thu của các doanh nghiệp trong cả nước năm 2019 tăng gấp 4 lần tổng doanh thu năm 2010, tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp năm 2019 tăng hơn 100 lần so với lợi nhuận của các doanh nghiệp năm 2010.

-Thuế TNDN do các doanh nghiệp đóng góp luôn giữ vị trí quan trọng trong tổng thu ngân sách Nhà nước, luôn ổn định từ 15% đến 17% trong tổng số thu nội địa của ngành thuế.

3.1.2. Những tồn tại

- Tính khả thi và hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số dự án, một số doanh nghiệp còn chưa cao, tỷ lệ các doanh nghiệp khai báo lỗ từ 40,89% (năm 2014) đến 46,25% (năm 2017) số lượng doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó, tỷ lệ các doanh nghiệp FDI khai báo lỗ cao nhất trong các thành phần kinh tế, chiếm từ 48,59% (năm 2018) đến 53,78% (năm 2012).

- Cơ cấu vốn đầu tư còn bất hợp lý so với định hướng đầu tư phát triển kinh tế- xã hội của đất nước: tỷ trọng vốn đầu tư cho nông, lâm, ngư nghiệp có xu hướng giảm dần; địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn ít có dự án đầu tư.

- Tỷ lệ các dự án đầu tư nước ngoài có sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn còn thấp, giá trị gia tăng sản phẩm tạo ra ở Việt Nam không cao.

- Tác động về lan tỏa, kết nối, tạo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong nước còn chưa được như kỳ vọng. Chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước còn rất hạn chế.

3.2. Thực trạng chuyển giá giữa các doanh nghiệp có quan hệ liên kết ở Việt Nam

3.2.1. Chuyển giá thông qua việc chi trả lãi vay

Hình thức chuyển giá thông qua việc chi trả lãi vay đã được phát hiện diễn ra khá phổ biến ở doanh nghiệp có quan hệ liên kết ở Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI. Thay vì việc phía nước ngoài phải đầu tư thêm vốn vào bên liên kết phía Việt Nam thì chuyển sang chiêu thức cho bên liên kết vay thêm vốn với mức lãi suất cao. Điển hình của chuyển giá thông qua việc chi trả lãi vay đã được phát hiện trong thời gian qua là trường hợp Công ty TNHH một thành viên Keangnam Vina. Công ty đã bị cơ quan thuế phát giác hình thức chuyển giá thông qua chi phí lãi vay, truy thu thuế TNDN 43,67 tỷ đồng; phạt hành chính 2,1 tỷ đồng; tính tiền chậm nộp 5,344 tỷ đồng.

3.2.2. Chuyển giá thông qua hình thức nâng cao giá trị tài sản khi thành lập hoặc góp vốn đầu tư

Hình thức chuyển giá này thường được các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện do có lợi thế về máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại. Mặt khác, do phía Việt Nam còn thiếu năng lực, trình độ, thông tin để thẩm định, đánh giá các loại thiết bị, công nghệ do phía nước ngoài góp vào liên doanh nên thường phải chấp nhận giá trị do đối tác đặt ra.

3.2.3. Chuyển giá bằng cách nâng không giá trị TSCĐ đầu tư ban đầu

Lợi dụng những lợi thế về công nghệ mới của nước ngoài, cùng với hạn chế về thẩm định giá của Việt Nam nên khi tiếp nhận đầu tư, phía Việt Nam thường phải chấp nhận giá do đối tác nước ngoài đặt ra. Rất nhiều các doanh nghiệp nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam đã thực hiện chuyển giá bằng hình thức nâng cao giá trị máy móc, thiết bị cao hơn giá thực tế để nâng cao giá trị vốn góp, gây lỗ triền miên ở Việt Nam để không phải nộp thuế TNDN ở Việt Nam.

3.2.4. Chuyển giá qua tính phí bản quyền thương mại

Hiện tượng doanh nghiệp FDI ở Việt Nam liên kết với công ty mẹ ở nước ngoài để tính chi phí nhượng quyền thương mại với chi phí cao cũng đã xuất hiện ở Việt Nam như trường hợp Công ty Metro Cash & Carry Việt Nam.

3.2.5. Chuyển giá qua nguyên vật liệu đầu vào

Ở một số lĩnh vực có tính đặc thù, nguyên vật liệu đầu vào phụ thuộc vào phía nước ngoài cung cấp, các doanh nghiệp liên kết phía nước ngoài thực hiện chuyển giá thông qua giá nguyên vật liệu cũng đã được phát hiện ở Việt Nam nhưng nhiều trường hợp khó xử lý do cơ quan thuế Việt Nam thiếu cơ sở giá độc lập để so sánh. Tiêu biểu như trường hợp của Công ty TNHH nước giải khát Coca cola Việt Nam.

3.2.6. Chuyển giá qua kê khai chi phí bán hàng lớn

Nhiều doanh nghiệp thương mại phân phối sản phẩm độc quyền cho doanh nghiệp nước ngoài thực hiện tăng chi phí bán hàng vừa để cạnh tranh với hàng hóa nội địa, vừa tăng chi phí để không phải nộp thuế TNDN tại Việt Nam.

3.2.7. Chuyển giá qua kê khai quá nhiều chi phí trung gian đầu vào

Với việc tăng các chi phí trung gian đầu vào từ doanh nghiệp mẹ cho doanh nghiệp con tại Việt Nam không đúng, không có thực tế dẫn đến hiện tượng doanh nghiệp con tại Việt Nam bị lỗ, không phải nộp thuế TNDN trong nhiều năm.

3.2.8. Chuyển giá từ doanh nghiệp hết ưu đãi thuế, sang doanh nghiệp ưu đãi thuế TNDN

Hiện tượng chuyển giá giữa các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN, còn được chuyển lỗ đã được phát hiện không chỉ dừng ở các doanh nghiệp FDI mà cả giữa các doanh nghiệp có quan hệ liên kết vốn nội địa.

3.2.9. Chuyển giá từ doanh nghiệp sản xuất, khai thác sang doanh nghiệp tiêu thụ lưu thông có quan hệ liên kết

Đã phát hiện có trường hợp doanh nghiệp sản xuất, khai thác tài nguyên trong nước chuyển giá cho nhau.

3.2.10. Chuyển giá của các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản có quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp nội địa

Các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào bất động sản Việt Nam theo ba phương thức chủ yếu là góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp và cho vay vốn đầu tư. Trong đó, mô hình liên kết với doanh nghiệp trong nước là phương thức hợp tác “yêu thích” của các doanh nghiệp FDI nước ngoài. Thông qua đó, các doanh nghiệp thực hiện chuyển giá để tối thiểu hóa số thuế TNDN phải nộp ở Việt Nam.

3.3. Thực trạng chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam

3.3.1. Những kết quả đạt được

-Quy định pháp luật liên quan đến chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN đã có nhiều văn bản liên quan đến việc chống chuyển giá được ban hành để hướng dẫn về chống chuyển giá phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

-Công tác triển khai chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN được ngành thuế triển khai rộng rãi, đầu tư, tăng cường nhân lực từ cấp Tổng cục Thuế đến một số địa phương.

-Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, môi trường để triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế.

-Từng bước triển khai cho các doanh nghiệp áp dụng phương pháp xác định giá trong giao dịch liên kết (APA) tại Việt Nam. Đã có 31 hồ sơ đề nghị áp dụng APA, trong đó có 24 hồ sơ đang ở bước xin tham vấn và 07 hồ sơ đã chuyển sang giai đoạn chính thức đề nghị áp dụng APA.

-Công tác thanh tra chống chuyển giá được tăng cường, đã có nhiều vụ việc chuyển giá được phát hiện, truy thu được nhiều tiền thuế về cho ngân sách Nhà nước.

Bảng 3.1: Kết quả thanh tra chống chuyển giá*Đơn vị tiền: tỷ VNĐ*

NĂM	SỐ CUỘC THANH TRA	SỐ TIỀN THUẾ TNDN TĂNG THU, PHẠT	GIẢM LỖ
2012	1	78,10	956,40
2013	31	499,60	1.383,61
2014	42	625,00	9.126,00
2015	320	563,00	2.238,23
2016	315	747,55	5.568,15
2017	546	2.020,00	9.001,00
2018	758	1.908,30	8.558,58
2019 (6 tháng đầu năm)	80	1.444,03	947,24

(Nguồn: Tổng cục Thuế)

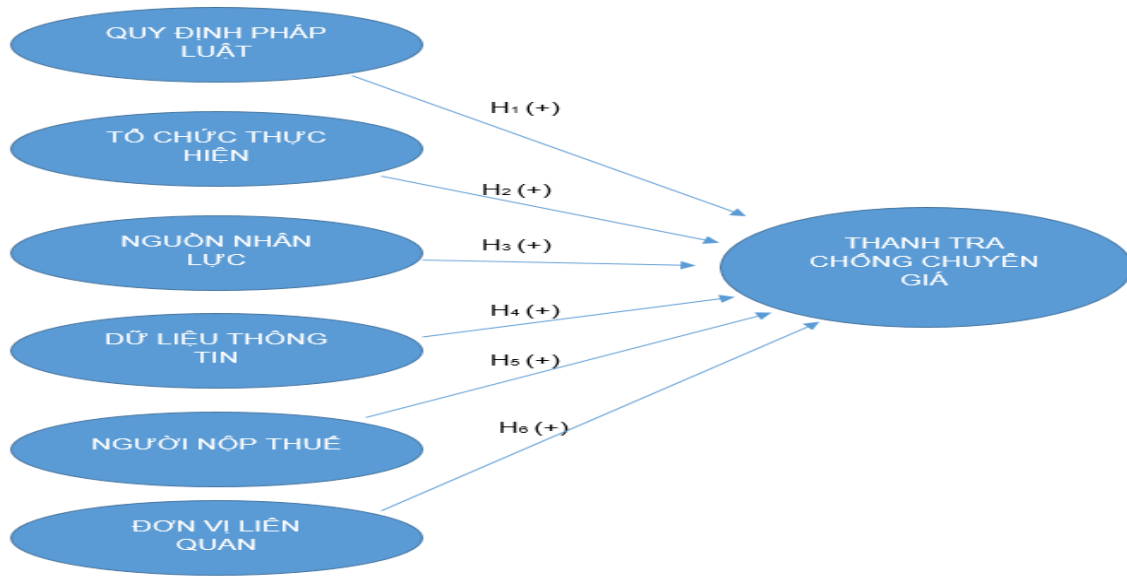
3.3.2. Đánh giá hiệu quả chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN qua thanh tra thuế

Mục tiêu của nội dung này là: Chỉ ra cơ sở lý thuyết của các yếu tố tác động đến hiệu quả công tác thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN; Xây dựng mô hình đánh giá tác động hiệu quả công tác thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN; Đánh giá tác động của các nhân tố để có thêm cơ sở đưa ra những giải pháp chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam.

***Cơ sở lý luận:**

Hiệu quả chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN qua thanh tra thuế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau: quy định của pháp luật; tổ chức bộ máy chống chuyển giá; cơ sở dữ liệu phục vụ cho so sánh, đối chiếu; sự phối kết hợp của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước... và chính bản thân đối tượng chuyển giá là các doanh nghiệp.

*Mô hình và thang đo sơ bộ



Hình 3.1-Mô hình nghiên cứu sự tác động của các yếu tố tác động đến chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN qua thanh tra thuế

(Nguồn: Tổng hợp nghiên cứu của nhiều tác giả)

- H1: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thuế, liên quan đến thanh tra chống chuyển giá;
- H2: Công tác tổ chức thực hiện cuộc thanh tra chống chuyển giá;
- H3: Nhân lực công chức thanh tra thuế;
- H4: Nguồn thông tin phục vụ cho công tác thanh tra;
- H5: Sự phối kết hợp của người nộp thuế;
- H6: Sự phối kết hợp của các cơ quan chức năng, các tổ chức liên quan.

*Phương pháp nghiên cứu định tính

Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả công tác thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN được tác giả thực hiện lấy ý kiến thông qua phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia có kinh nghiệm trong thanh tra chống chuyển giá của ngành thuế; qua góp ý của các nhà khoa học.

*Mô hình nghiên cứu định lượng

Trên cơ sở vận dụng mô hình Servperf, luận án đã xây dựng bảng câu hỏi gồm 6 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc với 30 thang đo thành phần.

- Thành phần quy định của pháp luật (PL) được đo bằng 5 biến quan

sát, từ biến quan sát PL1 đến PL5;

- Thành phần tổ chức thực hiện cuộc thanh tra chống chuyển giá (TC) được đo bằng 5 biến quan sát, từ biến quan sát TC1 đến TC5;

- Thành phần nhân lực thanh tra chống chuyển giá (NL) được đo bằng 5 biến quan sát, từ NL1 đến NL5;

- Thành phần thông tin dữ liệu phục vụ cho công tác thanh tra chống chuyển giá (TT) được đo bằng 4 biến quan sát, từ TT1 đến TT4;

- Thành phần sự phối hợp của người nộp thuế được thanh tra (DN) được đo bằng 4 biến quan sát, từ DN1 đến DN4;

- Thành phần sự phối kết hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan (PH) được đo bằng 4 biến quan sát, từ PH1 đến PH4;

- Thành phần kết quả của hoạt động thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN (KQ) được đo bằng 3 biến quan sát.

Các câu hỏi thành phần sử dụng thang đo Likert 5 điểm từ 1 đến 5 (1- Rất không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Bình thường; 4- Đồng ý; 5- Rất đồng ý).

***Thiết kế mẫu và thu thập dữ liệu**

Phiếu khảo sát được gửi tới 300 công chức thuế công tác tại 20 Cục Thuế các tỉnh thành phố lớn qua hệ thống email nội bộ ngành thuế. Kết quả thu về được 230 phiếu hợp lệ.

***Thông kê mô tả**

(1) Về hiệu quả công tác thanh tra chống chuyển giá: trên 64 % công chức thuế tham gia khảo sát đã đánh giá về kết quả hoạt động thanh tra chống chuyển giá đã phát hiện được các vi phạm chuyển giá trọng yếu của doanh nghiệp, các hành vi chuyển giá được phát hiện đều được xử lý theo đúng quy định của pháp luật, thông qua công tác thanh tra chống chuyển giá, cơ quan quản lý thuế cũng phát hiện những hạn chế và luôn kiến nghị, bổ sung để chính sách về chống chuyển giá phù hợp với tình hình thực tiễn ở Việt Nam.

(2) Về nội dung công chức thuế mong đợi nâng cao hiệu quả chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN

Qua khảo sát, tác giả lấy ý kiến một số nội dung Những ý kiến khảo sát

làm cơ sở tham khảo để đưa ra những giải pháp chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN

***Kết quả thực hiện**

Các phiếu khảo sát được cập nhập, đánh giá xác định độ tin cậy, phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng trên phần mềm ứng dụng điều tra xã hội học SPSS 2.0. Kết quả thu được phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$\mathbf{KQ = 0,387TC + 0,380TT + 0,375PL + 0,304NL + 0,081PH + a}$$

Trong đó: KQ: Hiệu quả chống chuyển giá qua thanh tra kiểm tra; TC: Công tác tổ chức thực hiện cuộc thanh tra; TT: Thông tin dữ liệu phục vụ cho công tác thanh tra chống chuyển giá; PL: Hệ thống văn bản quy định của pháp luật; NL: Nhân lực công chức thanh tra; PH: Sự phối kết hợp của các cơ quan, tổ chức liên quan trong chống chuyển giá.

Như vậy có thể nói: với độ tin cậy 72,3%, có thể đánh giá kết quả chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN qua thanh tra thuế chịu ảnh hưởng chính của 5 yếu tố được sắp xếp theo thứ tự giảm dần theo tầm quan trọng các yếu tố này đến hiệu quả của thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN. Đó là: Công tác tổ chức thực hiện cuộc thanh tra (TC); Thông tin dữ liệu phục vụ cho công tác thanh tra chống chuyển giá (TT); Hệ thống văn bản quy định của pháp luật (PL); Nhân lực công chức thanh tra (NL); Sự phối kết hợp của các cơ quan, tổ chức liên quan trong chống chuyển giá (PH). Kết luận này làm cơ sở quan trọng để chương tiếp khuyến nghị những giải pháp tăng cường chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN.

3.3.3. Hạn chế

Thứ nhất, hoạt động chuyên giá diễn ra ngày càng nhiều cả về lượng và quy mô, ngày càng tinh vi về hình thức và lớn về nội dung nhưng chưa được ngăn chặn và đẩy lùi, số lượng doanh nghiệp có quan hệ liên kết được thanh tra, kiểm tra còn ít so với thực tế.

Thứ hai, số lượng các doanh nghiệp có quan hệ liên kết tự kê khai thông tin về quan hệ liên kết còn hạn chế.

Thứ ba, phạm vi của các cuộc thanh tra, kiểm tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN vẫn chỉ đang dừng lại ở phạm vi doanh nghiệp có quyết định thanh tra, kiểm tra.

Thứ tư, chất lượng của nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN còn thấp.

Thứ năm, trong công tác thanh tra, kiểm tra còn lúng túng cả trong xác định bên liên kết, so sánh giá và trong xử lý kết quả thanh tra chuyển giá.

Thứ sáu, kết quả triển khai APA còn nhiều hạn chế.

3.3.4. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan**

Xuất phát điểm nền kinh tế Việt Nam từ khi hội nhập kinh tế quốc tế còn thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước còn lạc hậu không đáp ứng yêu cầu quản lý.

Còn thiếu sự hợp tác của các đơn vị liên quan để cùng chung tay chống chuyển giá.

*** Nguyên nhân chủ quan**

Thứ nhất, khung pháp lý còn chưa đầy đủ, hoàn thiện để làm cơ sở phục vụ cho công tác đấu tranh chống chuyển giá.

Thứ hai, ưu đãi trong chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tạo ra mảnh đất màu mỡ cho hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết.

Thứ ba, tổ chức lực lượng thanh tra chống chuyển giá chuyên nghiệp còn thiếu cả về số lượng và chất lượng.

Thứ tư, cơ sở dữ liệu để phục vụ cho công tác phát hiện, đấu tranh chống chuyển giá còn hạn chế cả về dữ liệu các bên có giao dịch liên kết và cơ sở giá.

Thứ năm, sự phối hợp, hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài nước còn hạn chế

Thứ sáu, kinh phí cho hoạt động chống chuyển giá còn hạn chế.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHỐNG CHUYỂN GIÁ TRONG QUẢN LÝ THUẾ TNDN Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

4.1. Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam trong thời gian tới và những vấn đề đặt ra đối với công tác chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

4.1.1. Bối cảnh kinh tế quốc tế, Việt Nam trong giai đoạn 2020-2025

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế về sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu trong thời gian tới: Quy mô dòng vốn ĐTNN toàn cầu có xu hướng giảm. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ và chống tự do hóa thương mại đa phương ở một số nước phát triển. Sự xuất hiện của dịch bệnh Covid-19 khiến mô hình sản xuất có nhiều công đoạn đặt ở nhiều quốc gia khác nhau phải cân nhắc lại. Sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ sẽ tạo nhiều thay đổi trong sản xuất. Sự cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực tiếp tục tăng.

Xu hướng phát triển nền kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam là: thu hút đầu tư theo hướng chú trọng nhiều hơn đến hiệu quả và chất lượng; tư duy hoạch định chính sách về đầu tư, chuyên giao công nghệ cũng cần được đổi mới để có thể bắt nhịp được với các thay đổi không ngừng của đời sống công nghệ.

4.1.2. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN

-Áp lực từ hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đã tạo ra những cơ hội và cả thách thức cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

-Áp lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngày càng khốc liệt, sẽ kéo theo sự phát triển ngày càng tăng của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết, các tập đoàn kinh tế lớn, các công ty đa quốc

gia.

-Sự lan rộng của đại dịch Covid-19 sẽ làm thay đổi hình thức đầu tư của các công ty đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế, cảnh báo sự gia tăng hoạt động chuyển giá tại Việt Nam trong thời gian tới.

-Chính sách thu hút đầu tư làm gia tăng hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp.

-Sự chuyên môn hóa trong sản xuất ngày càng tăng làm cho hoạt động chuyển giá càng thêm phức tạp.

-Sự gia tăng phát triển các giá trị uy tín, thương hiệu, sở hữu trí tuệ trong sản phẩm hàng hóa, dịch vụ khiến cho hoạt động chuyển giá càng khó kiểm soát.

-Áp lực về lợi nhuận kinh doanh làm hoạt động chuyển giá ngày càng tăng

-Chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút vốn đầu tư làm cho chính sách thuế của Việt Nam còn phức tạp, còn có những kẽ hở để các công ty có quan hệ liên kết lợi dụng để tránh thuế thông qua hình thức chuyển giá.

-Áp lực về sự phát triển nhanh của các doanh nghiệp liên kết sẽ làm tăng tính phức tạp trong hoạt động chuyển giá giữa các doanh nghiệp.

-Yêu cầu thay thế thuế quan bằng các loại thuế nội địa luôn kèm theo những quan ngại ngày càng tăng về hoạt động chuyển giá giữa các doanh nghiệp.

-Xu hướng chuyển các công ty liên doanh thành doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài ngày càng gia tăng dẫn đến tình trạng chuyển giá sẽ ngày càng gia tăng.

4.2. Quan điểm về chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN

-Cần phải loại bỏ quan điểm thu hút đầu tư bằng mọi giá.

-Các biện pháp ứng phó với chuyển giá phải bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, không làm giảm tính hấp dẫn của môi trường thu hút đầu tư của Việt Nam.

-Coi chống chuyển giá là cuộc đấu tranh lâu dài, bền bỉ trên cơ sở pháp lý và bằng chứng thuyết phục.

- Các biện pháp đấu tranh chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN phải vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng của Việt Nam.

4.3. Một số giải pháp tăng cường chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN ở Việt Nam thời gian tới

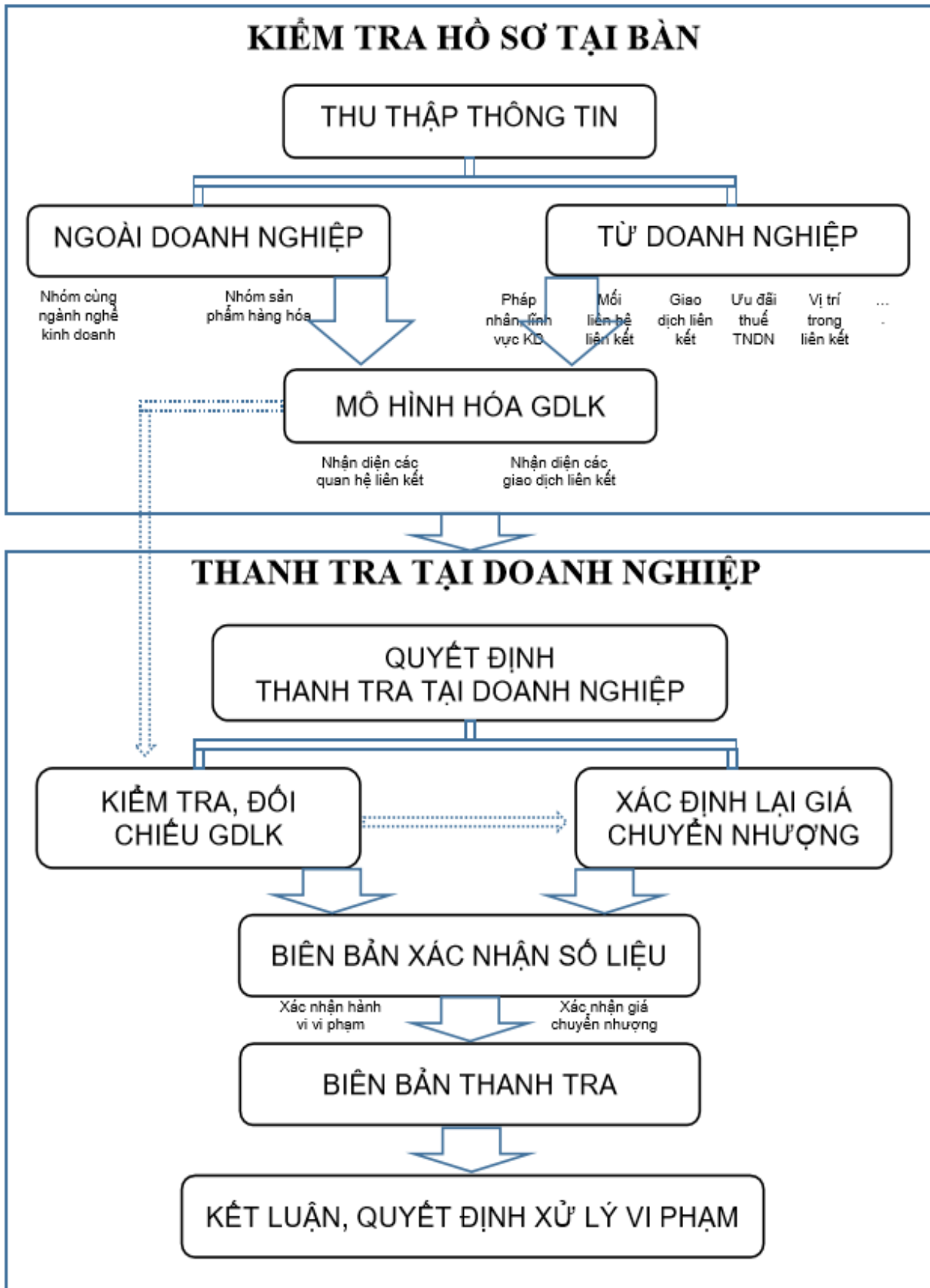
4.3.1. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến vấn đề chuyển giá

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật, tạo sự đồng bộ giữa các văn bản pháp luật về chống chuyển giá, phù hợp với thông lệ quốc tế trong chống chuyển giá, dễ triển khai thực hiện, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong chống chuyển giá.

4.3.2. Nâng cao hiệu quả cuộc thanh tra chống chuyển giá

Theo kết quả đánh giá khảo sát tại Chương 3, kết quả của công tác thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN chịu ảnh hưởng lớn của công tác tổ chức thực hiện cuộc thanh tra. Luận án đúc kết một số kỹ năng để triển khai áp dụng trong một cuộc thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN. Cuộc thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN được chuẩn bị kỹ lưỡng và thực hiện theo các bước sau:

- Công tác chuẩn bị, thu thập, phân tích thông tin tại bàn
- Thanh tra tại doanh nghiệp
- Lập biên bản thanh tra tại doanh nghiệp
- Trình lãnh đạo ký kết luận thanh tra, kiểm tra và quyết định xử lý



Hình 4.1-Các bước triển khai khi thanh tra chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN

4.3.3. Tăng cường hợp tác, thanh tra kiểm tra thuế đồng thời

Kiểm tra thuế đồng thời là hình thức hỗ trợ song phương, được áp dụng trong các vấn đề quốc tế rộng lớn, hình thức này tạo điều kiện cho hai hay nhiều cơ quan thuế các nước hợp tác trong điều tra thuế. Các cuộc kiểm tra thuế đồng thời đặc biệt cần thiết trong trường hợp thông tin quan trọng liên quan đến điều tra thuế được thu thập từ nước thứ ba, do đó các cuộc kiểm tra thuế đồng thời giúp cho việc trao đổi thông tin hiệu quả và kịp thời hơn. Kết quả của kiểm tra thuế đồng thời là một biện pháp hữu ích để xác định nghĩa vụ thuế chính xác của các doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết.

4.3.4. Coi trọng đầu tư nguồn lực, đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động chống chuyển giá

Thứ nhất, đầu tư về kinh phí phục vụ cho các hoạt động chống chuyển giá tương xứng với những lợi ích mà nó có thể mang lại

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực trong hoạt động chống chuyển giá thông qua công tác đào tạo, tập huấn, học hỏi kinh nghiệm...

Thứ ba, nghiên cứu thành lập một bộ phận chuyên trách đặc biệt chịu trách nhiệm về chống chuyển giá tại cơ quan Thuế

4.3.5. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, về giá, về giao dịch

Hệ thống cơ sở dữ liệu về thuế bao gồm các thông tin, dữ liệu về người nộp thuế như thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn, hỗ trợ pháp nhân của doanh nghiệp và các thông tin, dữ liệu giao dịch, giá cả thị trường... có liên quan khác.

Đối với cơ sở dữ liệu về thông tin doanh nghiệp: qua trao đổi liên thông giữa cơ quan cấp phép kinh doanh

Đối với dữ liệu về giao dịch, giá: cần tăng cường công tác trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan, cơ quan thuế các nước,

Xây dựng hệ thống thu thập thông tin về kinh tế ở nước ngoài

4.3.6. Tăng cường ký kết các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, các hiệp ước quốc tế với các quốc gia, các tổ chức thương mại quốc tế

-Việt Nam nên nhanh chóng nghiên cứu và áp dụng các biện pháp chống trốn và tránh thuế hiện đang áp dụng ở các nước tiên tiến trên thế giới như: Chỉ thị chống tránh thuế (Anti-tax Avoidance Directive – ATAD); Chương trình Chống xói mòn cơ sở thuế và dịch chuyển lợi nhuận (BEPS); Mạng lưới Công bằng Thuế Toàn cầu.

-Trong vai trò là chủ tịch ASEAN trong năm 2020, Việt Nam nên bổ sung các vấn đề về cạnh tranh thuế, ưu đãi thuế, và phòng chống trốn và tránh thuế vào chương trình nghị sự.

-Tăng cường ký kết các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nước để bảo vệ lợi ích chính đáng của nhà đầu tư nước ngoài và hạn chế các công ty đa quốc gia trốn, tránh thuế.

KẾT LUẬN

Dưới góc độ là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, Luận án tiến sĩ kinh tế của nghiên cứu sinh đã đạt được một số kết quả sau đây:

Khẳng định chuyên giá là hoạt động mang tính chủ quan của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết. Càng hội nhập sâu, rộng thì hoạt động chuyên giá diễn ra càng nhiều và ngày càng tinh vi, phức tạp. Phần lớn hoạt động chuyên giá ở Việt Nam gây thất thu thuế TNDN của Việt Nam.

Luận án đã phác họa những hình thức chuyên giá tiêu biểu đang diễn ra ở Việt Nam, những nỗ lực của cơ quan thuế trong việc ngăn chặn, kiểm soát, đẩy lùi hoạt động chuyên giá, những kết quả trong công tác đấu tranh chống chuyên giá trong quản lý thuế TNDN mà cơ quan thuế đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kiểm soát hoạt động chuyên giá. Luận án khảo sát ý kiến của các công chức thuế về những nhân tố ảnh hưởng tới kết quả công tác thanh tra chống chuyên giá trong quản lý thuế TNDN, phân tích lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố để làm cơ sở đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế, ngăn chặn hoạt động chuyên giá gây thất thu thuế cho Việt Nam. Trọng tâm của những giải pháp chống chuyên giá được tác giả đưa ra được tập trung vào công tác thanh tra chống chuyên giá trong quản lý thuế TNDN thông qua việc đúc kết những kinh nghiệm, những kỹ năng của các chuyên gia đầu ngành của ngành thuế trong thanh tra giá chuyên nhượng và được triển khai phù hợp với điều kiện quản lý thực tiễn ở Việt Nam.

Với kết quả nghiên cứu của mình, nghiên cứu sinh hy vọng những ý kiến đề xuất trong luận án sẽ là những đóng góp tích cực có tính khả thi để cơ quan thuế, cơ quan chức năng nâng cao hiệu quả công tác chống chuyên giá trong quản lý thuế TNDN ở nước ta trong thời gian tới.

CÁC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

- [1] Tô Hoàng (2019), “*Quản lý chống chuyển giá kinh nghiệm từ các nước*”, Tạp chí Thuế Nhà nước (Bộ Tài chính) số 50 (773) 2019.
- [2] Tô Hoàng (2019), “*Một số vấn đề về chống chuyển giá của các doanh nghiệp FDI*”, Tạp chí Tài chính (Bộ Tài chính) kỳ 2 – Tháng 11/2019 (717).
- [3] Tô Hoàng (2019), “*Chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam*”, Hội thảo quốc tế Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa (Học viện Tài chính) tập 2 (2019) – NXB Tài chính.

